

Số: 14/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Minh Phương.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-LĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2025/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Đoàn Thị Minh L, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH E

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Thanh H – Phó giám đốc.

2.3. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Đoàn Thị Minh L trình bày:*

Tháng 8/2009 chị ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E. Tuy nhiên, do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị họ là Đoàn Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty. Do đó, trên thực tế chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng tại hợp đồng lao động giữa chị và Công ty lại thể hiện người lao động tên Đoàn Thị N (là tên chị họ của chị) và S bảo hiểm xã hội của chị đóng thời gian này mang tên chị Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm 3409006787. Cùng thời điểm đó chị N cũng tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH T1, địa chỉ: khu công nghiệp N, TP T, cùng số sổ bảo hiểm 3409006787. Chị làm việc tại Công ty TNHH E từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 thì chấm dứt hợp đồng lao động.

Đến nay chị Đoàn Thị Ngọc M làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm thì không thực hiện được do bảo hiểm xã hội mang tên chị N có nhiều sổ và bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010. Để đảm bảo quyền lợi của chị và chị Đ, chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là Đoàn Thị N (nhưng do chị là người tham gia ký kết) và Công ty TNHH E trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

** Tại Công văn số 678/BHXX-QLTST ngày 27/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày:*

Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Đoàn Thị N từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 tại Công ty TNHH E theo sổ BHXH số 3409006787 là 00 năm 09 tháng. Tổng số tiền đã đóng BHXH, BHYT, BHTN là 2.539.217 đồng trong đó người sử dụng lao động đóng 1.805.090 đồng, người lao động đóng 734.127 đồng. BHXH tỉnh không có hồ sơ tham gia cũng như không thu BHXH, BHYT, BHTN thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 tại Công ty TNHH E đối với chị Đoàn Thị Minh L.

Việc chị Đoàn Thị Minh L trình bày mượn hồ sơ của chị Đoàn Thị N để giao kết hợp đồng và đóng BHXH, BHYT, BHTN và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Đoàn Thị Minh L (lấy tên là Đoàn Thị N) với Công ty TNHH E trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 vô hiệu, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Đoàn Thị*

N trình bày:

Năm 2009, em họ chị là Đoàn Thị Minh L do chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E. Vì vậy, mặc dù trên thực tế chị L là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng tại hợp đồng lao động giữa chị L và Công ty lại thể hiện người lao động tên là Đoàn Thị N (là tên chị) và S bảo hiểm xã hội của chị L đóng thời gian này mang tên Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm 3409006787. Trong khi cùng thời điểm từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010, chị làm việc tại công ty TNHH T1, địa chỉ: khu công nghiệp N, TP T và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ 3409006787. Đến nay, khi chị muốn làm thủ tục thanh toán trên sổ bảo hiểm xã hội thì được cơ quan bảo hiểm thông báo chị có nhiều sổ bảo hiểm xã hội và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 do đó Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị được. Chị đồng ý với yêu cầu của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị.

** Biên bản xác minh tại Ban Q thể hiện:* Công ty TNHH E được cấp chứng nhận đầu tư lần đầu vào ngày 27/3/2008; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất là ngày 31/3/2009; đến năm 2010 công ty đã không còn hoạt động ở Khu công nghiệp Nguyễn Đức C do dự án đầu tư xây dựng nhà máy S1 chấm dứt hoạt động. Khu đất thực hiện dự án đã được UBND tỉnh T thu hồi và cho công ty khác thuê lại.

Biên bản xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh T thể hiện: Công ty TNHH E không có thông tin đăng ký trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L, tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH E và chị Đoàn Thị N (do chị Đoàn Thị Minh L ký) trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 vô hiệu toàn bộ. Chị Đoàn Thị Minh L và chị Đoàn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L. Chị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH E có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng lao động mà chị Đoàn Minh L yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết vào năm 2009 khi Bộ luật Lao động năm 1994 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó Tòa án căn cứ các quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 2019 để giải quyết yêu cầu của chị Đoàn Minh L trong việc dân sự này.

[1.3] Về việc không thu thập được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH E: Qua xác minh Ban quản lý khu kinh tế và các khu Công nghiệp cung cấp Công ty không còn hoạt động ở khu công nghiệp Nguyễn Đức C từ năm 2010; Sở kế hoạch đầu tư tỉnh T cung cấp: Công ty không có thông tin đăng ký trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia. Tuy nhiên Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày: Thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chị Đoàn Thị N từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 tại Công ty TNHH E theo sổ BHXH số 3409006787 là 09 tháng. Như vậy đủ căn cứ xác định chị Đoàn Thị N có ký hợp đồng lao động và có làm việc tại Công ty TNHH E trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 là 09 tháng.

[1.4] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị L (mang tên chị Đoàn Thị N) với Công ty TNHH E trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 vô hiệu thì thấy:

Việc chị Đoàn Thị Minh L mượn giấy chứng minh thư nhân dân của chị Đoàn Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH E là hành vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm

2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L, tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động là chị Đoàn Thị N và Công ty TNHH E trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010 vô hiệu.

[2.2] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: mặc dù việc ký kết hợp đồng lao động giữa chị L (chị L đã sử dụng giấy tờ cá nhân của chị N để ký hợp đồng lao động) với Công ty TNHH E đã có sự lừa dối, không trung thực ngay từ thời điểm ký kết nhưng trên thực tế chị L có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị L (mang tên chị Đoàn Thị N, số sổ bảo hiểm xã hội 3409006787). Do vậy cần điều chỉnh tên Đoàn Thị N trên Sổ bảo hiểm xã hội số 3409006787 thành Đoàn Thị Minh Luyến để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Đoàn Thị N và chị Đoàn Thị Minh L có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Minh L.
2. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH E và chị Đoàn Thị Minh L (mang tên chị Đoàn Thị N) trong thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010 là vô hiệu.
3. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân sổ sổ bảo hiểm xã hội 3409006787 từ Đoàn Thị N, sinh ngày 02/10/1990, căn cước công dân số 034190009529 thành Đoàn Thị Minh Luyến, sinh ngày 29/6/1993, căn cước công dân số 034193001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021. Các chị Đoàn Thị Minh L, Đoàn Thị N có quyền liên hệ

với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Đoàn Thị N thành Đoàn Thị Minh L.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Đoàn Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000991 ngày 19/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Minh Phương